TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/DS-PT
Ngày 09-7-2024
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Hương và ông Nguyễn Tài Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2024/TLPT-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 20-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị bà Nguyễn Thị P kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Đặng Văn M và bà Văn Thị S**; cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện K , tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Bị đơn**: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ph**; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-8-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Đặng Văn M và bà Văn Thị S trình bày: Do có quan hệ họ hàng nên vào ngày 16/02/2022, vợ chồng ông bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P vay số tiền 100.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, hẹn đến tháng 12/2022 ông T và bà P phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho ông bà. Khi đến hạn, ông T và bà P không trả nợ như đã thỏa thuận, ông bà đã đòi nhiều lần nhưng ông T và bà P chỉ khất dần mà không trả. Do đó, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà P phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 100.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày vay (16/4/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (20/3/2024) là 23 tháng 04 ngày, cụ thể tiền lãi là: 100.000.000đ x 0,83%/tháng x 23 tháng 04 ngày = 19.201.000 đồng.

***Bị đơn – ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P trình bày*:** Ông bà thừa nhận có vay của ông M và bà S số tiền gốc 100.000.000đ và thỏa thuận lãi suất như ông M và bà S trình bày; tuy nhiên ngày vay là ngày 14/4/2022 nhưng đến ngày 16/4/2022, bà S mới đến nhà ông bà để yêu cầu ký xác nhận nợ. Ông T và bà P đã viết giấy nhận nợ đề ngày 16/4/2022, số tiền vay là 100.000.000đ, lãi suất 1.5%/tháng, thời hạn thanh toán tháng 12/2022, sau đó ông bà cùng ký tên Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị P vào giấy này. Lý do đến hạn ông T và bà P không trả nợ cho ông M và bà S vì ông bà cho rằng đây là tiền hoa hồng mà ông bà đã bán đất hộ cho ông M và bà S ở quê nhưng ông M và bà S chưa trả. Vì vậy, ông bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông M và bà S.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 20-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, các điều 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468; khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn M và bà Văn Thị S.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P phải trả cho ông Đặng Văn M và bà Văn Thị S tổng số tiền 119.201.000 đồng (*Một trăm mười chín triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng*). Trong đó: tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và tiền lãi 19.201.000 đồng (*Mười chín triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/4/2024 bà Nguyễn Thị P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị P nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. *Về nội dung giải quyết vụ án và xét yêu cầu kháng cáo:*

[2.1]. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định:

Vào ngày 16/4/2022, tại nhà của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P; ông T và bà P đã viết giấy nhận nợ của ông Đặng Văn M và bà Văn Thị S số tiền gốc là 100.000.000 đồng; lãi suất là 1,5%/tháng; hạn trả là tháng 12/2022. Giấy xác nhận nợ có chữ ký của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P. Số tiền 100.000.000 đồng do bà Văn Thị S giao, ông T và bà P đã nhận tiền, mục đích vay tiền để giải quyết công việc gia đình. Từ khi vay cho đến nay, ông T và bà P chưa trả nợ gốc và nợ lãi cho ông M và bà S.

Đây là những tình tiết được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh.

[2.2]. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định việc ông T và bà P có vay của ông M và bà S số tiền gốc với mức lãi suất và thời hạn vay thỏa thuận như trên là có thật, việc vay tiền được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài tản:

"*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*".

Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

"*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...*".

Căn cứ các quy định nêu trên thì việc ông T và bà P không trả tiền cho ông M và bà S khi đến hạn đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M và bà S; buộc ông T và bà P phải trả cho ông M và bà S tổng số tiền 119.201.000đ *(Trong đó: tiền gốc 100.000.000đ và tiền lãi 19.201.000đ)* là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị P: Bà P và ông T cho rằng số tiền 100.000.000 đồng ông bà đã nhận từ bà S là tiền hoa hồng do ông bà bán đất hộ cho ông M và bà S; tuy nhiên nội dung này không được ông M và bà S thừa nhận; tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bà P và ông T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền nêu trên là tiền hoa hồng từ việc bán đất, được ông M và bà S đồng ý trả cho bà P và ông T. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị dơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P phải chịu 5.960.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đặng Văn M và bà Văn Thị S số tiền 2.832.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2024/DS-ST, ngày 20-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144 và điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468; khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn M và bà Văn Thị S.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P phải trả cho ông Đặng Văn M và bà Văn Thị S tổng số tiền 119.201.000 đồng (*Một trăm mười chín triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng*). Trong đó: tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và tiền lãi 19.201.000 đồng (*Mười chín triệu hai trăm lẻ một nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sư sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P phải chịu 5.960.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đặng Văn M và bà Văn Thị S số tiền 2.832.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007479, ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số: 0000534, ngày 04/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hồng Chương